

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2023/DS-ST
Ngày: 27-02-2023
V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản và hợp đồng góp
hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thành.

Ông Phạm Văn Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ngọc Ngân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

Trong ngày 27 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 326/2022/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXX-ST ngày 10 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2023/QĐST-DS ngày 08 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị E, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Huỳnh Thị Hồng T, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Ấp P, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(Bà E xin vắng mặt, bà T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị E trình bày:

Giữa bà và bà T có quen biết nhau, chồng bà tên là Ba Đ nên mọi người thường gọi bà là Thiêm Ba Đ. Do nhu cầu cần tiền làm ăn nên bà T có hỏi vay bà số tiền như sau:

Ngày 30/02/2020, bà T có hỏi vay bà số tiền 40.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng, trả lãi hàng tháng, không thỏa thuận thời gian trả vốn, khi cần lấy lại vốn thì báo trước 03 tháng. Khi vay bà T có viết biên nhận nợ với nội dung có nhận của bà số tiền 40.000.000 đồng.

Ngày 08/4/2020, bà T có hỏi vay bà số tiền 10.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng, trả lãi hàng tháng, không thỏa thuận thời gian trả vốn, khi cần lấy lại vốn thì báo trước. Khi vay bà T có viết biên nhận nợ với nội dung có nhận của bà số tiền 10.000.000 đồng.

Sau khi bà T vay tiền có trả lãi cho bà đầy đủ đến tháng 6/2022, từ tháng 7/2022 bà T không trả lãi cho bà nữa, bà cũng đã nhiều lần nhắc nhở bà Thu trả lại số tiền 50.000.000 đồng cho bà nhưng đến nay bà T vẫn không thực hiện.

Ngoài ra, bà T có tổ chức chơi hội nên bà có tham gia chơi 01 dây hội, loại hội 500.000 đồng/tháng, hội khai ngày 05/5/2020, gồm 30 phần, bà tham gia 01 phần. Bà đã đóng cho bà T được 26 kỳ hội với số tiền 13.000.000 đồng, hiện nay bà T đã ngưng chơi hội.

Tổng cộng bà T còn nợ bà số tiền vay 50.000.000 đồng và tiền hội là 13.000.000 đồng, bà đã nhiều lần yêu cầu bà T trả tiền cho bà nhưng bà T vẫn chưa trả.

Nay bà yêu cầu bà T cho bà số tiền vay và hội là 63.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi số tiền vay 50.000.000 đồng kể từ ngày 01/7/2022 đến khi Tòa án xét xử với mức lãi suất 1,66%/tháng (tạm tính đến ngày nộp đơn kiện là 3.320.000 đồng), yêu cầu trả tiền khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Huỳnh Thị Hồng T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà T vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị E khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị Hồng T trả số tiền vay và tiền hội là 63.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử xác định đây là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hội” theo quy định tại Điều 463, Điều 471 của Bộ luật dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại địa phương nên thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét nguyên đơn bà Nguyễn Thị E có đơn xin vắng mặt; bị đơn bà Huỳnh Thị Hồng T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt bà E và bà T.

[3] Xem xét việc thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu:

Bà Nguyễn Thị E có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện số tiền hui 13.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy việc bà E rút yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị E, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Bà E có cho bà T vay số tiền 50.000.000 đồng làm hai lần vào ngày 30/02/2020 số tiền 40.000.000 đồng và ngày 08/4/2020 số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, hạn thời gian trả tiền báo trước 03 tháng. Sau khi vay bà T chỉ trả lãi cho bà E được đến tháng 6/2022 rồi ngưng không trả vốn là lãi cho bà E mặc dù bà E đã yêu cầu bà T thực hiện việc trả tiền trước 03 tháng nhưng bà T không trả nên bà E khởi kiện. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình bà E đã cung cấp cho Tòa án giấy biên nhận do bà T viết và ký tên. Phía bà T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà T vẫn vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho thấy bà T đã từ bỏ quyền chứng minh của mình. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định bà T còn nợ bà E số tiền 50.000.000 đồng và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà E, buộc bà T có nghĩa vụ trả cho bà E số tiền 50.000.000 đồng.

[4.2] Về yêu cầu tính lãi: Bà E yêu cầu bà T trả lãi của số tiền 50.000.000 đồng từ ngày 01/7/2022 cho đến ngày Tòa án xét xử vụ kiện theo mức lãi suất 1,66%/tháng là có cơ sở vì mức lãi suất thỏa thuận 2%/tháng vượt quá 20%/năm nên cần điều chỉnh mức lãi suất 1,66%/tháng là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Do vậy số tiền 50.000.000 đồng $\times 1,66\% \times 07$ tháng 26 ngày = 6.529.316 đồng nên bà T phải trả cho bà E cả vốn và lãi là 56.529.316 đồng.

[4.3] Về thời gian trả tiền: Bà E yêu cầu bà T trả cho bà E số tiền 56.529.316 đồng khi án có hiệu lực pháp luật có cơ sở vì bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và nợ tiền của bà E làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà E. Do đó, Hội đồng xét xử buộc bà T trả cho bà E số tiền 56.529.316 đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà E được Tòa án chấp nhận nên bà T phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 471 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị E đối với số tiền hui 13.000.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị E.

Buộc bà Huỳnh Thị Hồng T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị E số tiền 56.529.316 đồng (Năm mươi sáu triệu năm trăm hai mươi chín ngàn ba trăm mười sáu đồng). Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Emó đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Huỳnh Thị Hồng T không trả số tiền trên thì hàng tháng bà T phải trả lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Bà Huỳnh Thị Hồng T phải chịu 2.826.465 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Báo nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- CC THADS huyện Gò Công Tây;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Thị Xuân

